

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU PHÚ  
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 295/2018/DS-ST

Ngày: 06/11/2018

V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Phước Hậu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Văn Hùng.

2. Ông Nguyễn Thanh Tiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Không tham gia.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2018/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng dịch vụ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Tổng Công ty Viễn thông M; địa chỉ: Tòa nhà M - Lô VP1, phường Y H, quận C G, thành Phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Quốc K - Chức vụ: Phụ trách thanh toán cước phí M tỉnh An Giang là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

**- Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Số 387, tổ 15, ấp Khánh An 2, xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang..

(Anh K có mặt, chị T vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày ý kiến như sau:**

Ngày 18/01/2012, chị Bé T có ký hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ điện thoại di động số 6704/4AGI00216/TT4 với công ty Dịch vụ M khu vực 9 thuộc Tổng Công ty Viễn thông M (công ty M). Theo nội dung hợp đồng thì công ty M sẽ cung cấp dịch vụ trả sau cho thuê bao số 0933.466.335 của chị Bé T. Trong thời gian sử dụng tính đến thời điểm hiện tại chị Bé T còn nợ công ty

M số tiền 49.475.490đ chưa thanh toán. Nay công ty M khởi kiện yêu cầu chị Bé T phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 49.475.490đ và không yêu cầu tính lãi suất chậm trả.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[1] Về tố tụng:**

#### **[1.1] Về quan hệ tranh chấp:**

Căn cứ vào đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì vụ án thuộc quan hệ về tranh chấp hợp đồng dịch vụ, cụ thể theo đơn khởi kiện Tổng Công ty Viễn thông M khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Bé T trả số tiền nợ cước phí viễn thông 49.475.490đ, do vậy Tòa án thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Do đây là tranh chấp về hợp đồng dịch vụ thuộc loại kiện về tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, mà cụ thể là Tòa án nhân dân huyện Châu Phú do bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Châu Phú nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[1.3] Về trình tự và thủ tục khởi kiện:**

Xét đây là vụ kiện không bắt buộc phải thông qua hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn nên nguyên đơn làm đơn khởi kiện trực tiếp ra Tòa án vẫn đúng quy định.

#### **[1.4] Về thủ tục tố tụng:**

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt 02 lần không lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

**[1.5] Về thời hiệu khởi kiện:** Xét thấy, Các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu.

### **[2] Về nội dung:**

Hợp đồng dịch vụ viễn thông giữa Tổng Công ty Viễn thông M với chị Nguyễn Thị Bé T thực tế xảy ra, theo đó vào ngày 18/01/2012, chị Bé T có ký hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ điện thoại di động số 6704/4AGI00216/TT4 với công ty Dịch vụ M khu vực 9 thuộc Tổng Công ty Viễn thông M. Theo nội dung hợp đồng thì Tổng Công ty Viễn thông M sẽ cung cấp dịch vụ trả sau cho thuê bao số 0933.466.335 của chị Bé T. Trong thời gian sử dụng tính đến thời điểm hiện tại chị Bé T còn nợ Tổng Công ty Viễn thông M số tiền 49.475.490đ chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ. Nên Tổng Công ty Viễn thông M khởi kiện yêu cầu chị Bé T phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 49.475.490đ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về phân lãi suất chậm thanh toán: Tổng Công ty Viễn thông M không yêu cầu nên không xem xét.

### **[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.230.000đ theo biên lai thu số 0002360 ngày 17/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Chị T là người có lỗi trong vụ kiện nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:  $49.475.490đ \times 5\% = 2.473.000đ$ .

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Điều 233, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 513, Điều 515 và Điều 519 Bộ luật dân sự; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty Viễn thông M đối với chị Nguyễn Thị Bé T.

Buộc chị Nguyễn Thị Bé T có trách nhiệm trả cho Tổng Công ty Viễn thông M số tiền 49.475.490đ (bốn mươi chín triệu, bốn trăm bảy mươi lăm ngàn, bốn trăm chín chục đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Tổng Công ty Viễn thông M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.230.000đ theo biên lai thu số 0002360 ngày 17/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Chị T phải chịu 2.473.000đ (hai triệu, sáu trăm bảy mươi ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận :**

- TAND tỉnh An Giang;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Phước Hậu**